

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương
năm 2025 trên địa bàn phường Phước Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

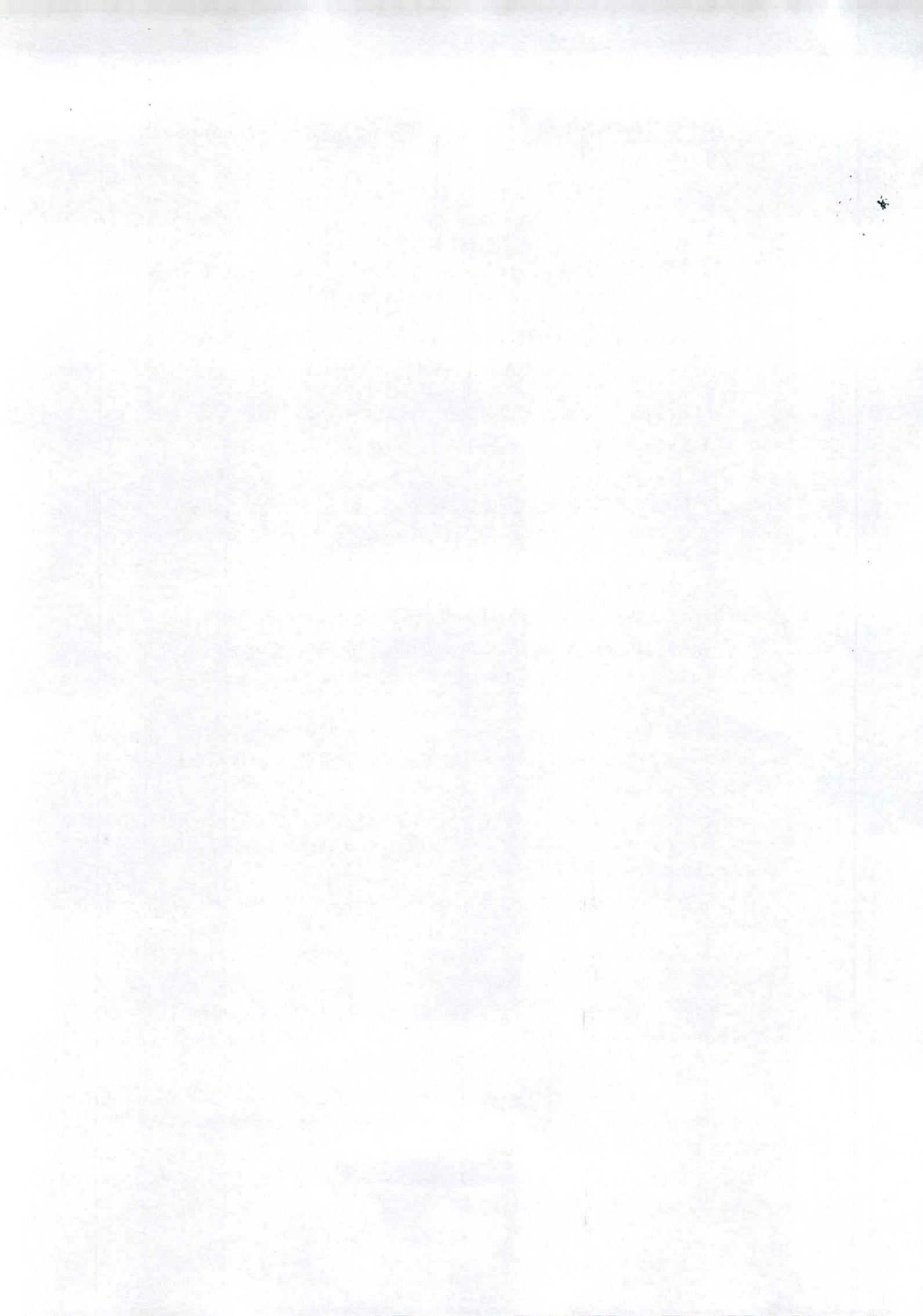
Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2025 (đợt 2).

Căn cứ Quyết định số 3384/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về phân bổ kinh phí cho địa phương thực hiện tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 31/07/2025 của Hội đồng nhân dân phường thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn phường Phước Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 06/11/2025 của Hội đồng nhân dân phường thông qua dự toán điều chỉnh chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn phường Phước Bình.

Xét Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường về việc đề nghị thông qua dự toán điều chỉnh, bổ sung thu, chi ngân



sách địa phương năm 2025 trên địa bàn phường Phước Bình; Báo cáo thẩm tra số 20/BC-HĐND ngày 30/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán điều chỉnh, bổ sung thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn phường Phước Bình, cụ thể như sau:

1. Dự toán điều chỉnh, bổ sung thu ngân sách

- Tổng thu ngân sách địa phương:	279.299.339 nghìn đồng
Trong đó:	
- Các khoản thu được hưởng theo phân cấp:	7.168.150 nghìn đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	256.410.105 nghìn đồng
+ <i>Bổ sung cân đối:</i>	223.310.000 nghìn đồng
+ <i>Bổ sung có mục tiêu:</i>	33.100.105 nghìn đồng
- Thu chuyển nguồn của cấp xã trước sắp xếp:	10.926.524 nghìn đồng
- Thu kết dư cấp xã trước sắp xếp:	4.794.560 nghìn đồng

2. Dự toán điều chỉnh, bổ sung chi ngân sách địa phương

Tổng dự toán điều chỉnh, bổ sung chi ngân sách địa phương năm 2025: 279.299.339 nghìn đồng.

Bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển:	7.612.000 nghìn đồng
- Chi thường xuyên các lĩnh vực:	230.413.906 nghìn đồng
- Kinh phí chưa phân bổ:	9.895.009 nghìn đồng
- Chi dự phòng:	6.630.317 nghìn đồng
- Chi thực hiện nguồn cải cách tiền lương:	24.748.107 nghìn đồng

3. Cân đối ngân sách

Tổng thu ngân sách địa phương hưởng năm 2025 là 279.299.339 nghìn đồng, cân đối với tổng chi ngân sách địa phương là 279.299.339 nghìn đồng, ngân sách địa phương năm 2025 cân bằng thu chi.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2.

- Giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân phường khoá III giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường khóa III, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. / *Phước*

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh khu vực phường;
- TT ĐU, HĐND, UBND, UBMTTQVN phường;
- 02 Ban và ĐB HĐND, TV UBND phường;
- CQ, BN, ĐT phường;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Phạm Thị Anh Thư



ĐỐI TỌNG HỢP DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NGÂN SÁCH PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH NĂM :
(Kèm theo Nghị quyết số **29**/NQ-HĐND ngày **31/12**/2025 của Hội đồng nhân dân phường)

STT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh, bổ sung tính giao	Dự toán điều chỉnh, bổ sung phường giao
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	263,163,105	279,299,339
1	- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	6,753,000	7,168,150
	<i>Các khoản thu xã hưởng 100%</i>	877,000	1,292,150
	<i>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ</i>	5,876,000	5,876,000
2	- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	256,410,105	256,410,105
	<i>- Bổ sung cân đối ngân sách</i>	223,310,000	223,310,000
	<i>- Bổ sung có mục tiêu</i>	33,100,105	33,100,105
3	Thu kết dư ngân sách năm trước (04 xã phường trước sắp xếp)		4,794,560
4	Thu chuyển nguồn (04 xã phường trước sắp xếp)		10,926,524
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	263,163,105	279,299,339
1	Chi đầu tư phát triển	10,413,000	7,612,000
2	Chi thường xuyên	218,307,105	230,413,906
3	Dự toán chi chưa phân bổ		9,895,009
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	28,443,000	24,748,107
5	Dự phòng	6,000,000	6,630,317



TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 31 / 12/2025 của Hội đồng nhân dân phường)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh, bổ sung tỉnh giao		Dự toán điều chỉnh, bổ sung phường giao		So với dự toán tỉnh giao	
		THU NSNN (thu nội địa)	THU NSDP	THU NSNN (thu nội địa)	THU NSDP	THU NSNN (thu nội địa)	NSDP
	TỔNG THU	15,776,000	263,163,105	15,776,000	279,299,339	100%	106%
I	Các khoản thu 100%	877,000	877,000	877,000	1,292,150	100%	147%
1	Thu phí, lệ phí	632,000	632,000	632,000	632,000		
2	Thu khác	245,000	245,000	245,000	245,000		
3	Thu huy động đóng góp của nhân dân theo quy định	-	-	-	415,150		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	14,899,000	5,876,000	14,899,000	5,876,000	100%	100%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp địa phương						
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	6,470,000	3,817,000	6,470,000	3,817,000		
	- Thuế giá trị gia tăng (59%)	6,470,000	3,817,000	6,470,000	3,817,000		
3	Thu tiền sử dụng đất	5,100,000		5,100,000			
4	Thu lệ phí trước bạ	2,540,000	1,270,000	2,540,000	1,270,000		
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (100%)	789,000	789,000	789,000	789,000		
III	Thu chuyển nguồn các xã trước sắp xếp				10,926,524		
IV	Thu kết dư các xã trước sắp xếp				4,794,560		
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		256,410,105		256,410,105		
	Bổ sung cân đối ngân sách		223,310,000		223,310,000		
	Bổ sung có mục tiêu		33,100,105		33,100,105		



TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường)

ĐVT: nghìn đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán điều chỉnh, bổ sung tính giao	Tổng dự toán phường đã phân bổ	Bao gồm				Tổng dự toán phường điều chỉnh bổ sung phường giao	Trong đó		So với dự toán điều chỉnh tính giao (%)
				Dự toán đã thực hiện chi 06 tháng đầu năm 2025 (QĐ 326/QĐ-UBND ngày 01/8/2025)	Dự toán chi 06 tháng cuối năm 2025 (QĐ 326/QĐ-UBND ngày 01/8/2025)	Dự toán bổ sung (QĐ 932/QĐ- UBND ngày 11/11/2025)	Dự toán bổ sung (Quyết định số 1071 ngày 26/11/2025 và 1018 ngày 24/11/2025)		Dự toán đã thực hiện 04 xã, phường và sự nghiệp giáo dục trước sắp xếp	Dự toán điều chỉnh chi 06 tháng cuối năm 2025	
	TỔNG CHI (I+II+III+IV+V+VI)	263,163,105	359,768,045	176,321,105	167,413,440	16,018,500	15,000	279,299,339	85,508,990	193,790,349	106.13
I	Chi đầu tư phát triển	10,413,000	7,612,000	-	6,312,000	1,300,000	-	7,612,000		7,612,000	73.10
	- Nguồn vốn khác (từ nguồn vốn cấp huyện trước 01/7/2025)	10,413,000	7,612,000		6,312,000	1,300,000		7,612,000		7,612,000	
II	Chi thường xuyên	218,307,105	320,777,621	176,321,105	123,876,043	18,989,927	1,590,546	230,413,906	85,508,990	144,904,916	105.55
1	Chi cho công tác DQTV, TTATXH	-	18,422,221	11,746,141	6,676,080			12,441,413	5,765,333	6,676,080	
	- Chi công tác Quốc phòng	-	11,936,412	8,450,153	3,486,259			6,724,919	3,238,660	3,486,259	
	- Chi trật tự an toàn xã hội (an ninh)	-	6,485,809	3,295,988	3,189,821			5,716,494	2,526,673	3,189,821	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-	115,662,856	46,188,497	64,782,983	4,691,376		122,633,607	53,159,248	69,474,359	
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	450,000			450,000		450,000		450,000	
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin và thể thao	-	6,372,275	5,017,275	1,100,000	255,000		1,512,453	157,453	1,355,000	
5	Chi y tế	-	46,926	46,926	-			46,926	46,926	-	
6	Chi phát thanh truyền hình	-	335,034	235,034	100,000			107,360	7,360	100,000	
7	Chi các hoạt động kinh tế	-	35,989,242	22,273,621	12,555,939	1,144,682	15,000	17,877,626	4,162,005	13,715,621	
8	Chi sự nghiệp môi trường	-	6,764,683	3,048,896	3,715,787			4,210,293	494,506	3,715,787	
9	Chi quản lý QLNN, Đàng, đoàn thể	-	117,349,010	77,908,409	30,708,942	7,156,113	1,575,546	61,088,851	21,648,250	39,440,601	
10	Chi cho công tác đảm bảo xã hội	-	19,147,006	9,856,306	4,136,312	5,154,388		9,807,009	67,909	9,739,100	
11	Chi khác	-	238,368		100,000	138,368		238,368		238,368	
III	Kinh phí chưa phân bổ							9,895,009		9,895,009	
IV	Nguồn CCTL	28,443,000	24,748,107		25,800,520	523,133	(1,575,546)	24,748,107		24,748,107	87.01
V	Chi từ nguồn thu kết dư 2024	-	-		4,794,560	(4,794,560)		-		-	
VI	Dự phòng	6,000,000	6,630,317	-	6,630,317			6,630,317		6,630,317	110.51



